

Câu 1 (2đ). Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể):

a) $\frac{2}{3} + \frac{5}{4} - \frac{1}{12}$

b) $\frac{7}{15} \cdot \frac{-8}{13} - \frac{-21}{13} \cdot \frac{7}{15} + \frac{-2}{15}$

c) $4\frac{1}{3} + \left(6\frac{3}{4} - 2\frac{1}{3}\right) - \left(1 + 3\frac{3}{4}\right)$

d) $1,25 : 75\% - \left(2\frac{1}{6} - \frac{1}{12}\right) \cdot \frac{18}{5}$

Câu 2 (2đ). Tìm x, biết:

a) $\frac{6}{5} - x = \frac{-7}{2}$

b) $\frac{7}{9} : x - \frac{7}{6} = \frac{1}{18}$

c) $\frac{x}{9} + \frac{1}{2} = \frac{5}{6}$

d) $(x - 2)^2 + \frac{1}{3} = \frac{7}{9}$

Câu 3 (2đ).

Một vườn cây ăn quả có tất cả 600 cây. Trong đó số cây bưởi chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số cây, 50% là số cây

cam, còn lại là số cây ổi.

a) Tính số cây mỗi loại ?

b) Tính tỉ số phần trăm số cây ổi và số cây cam của vườn cây đó ?



Câu 4 (3,5đ). Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Oa , vẽ tia Ob và tia Oc sao cho $aOb = 60^\circ$, $aOc = 120^\circ$.

a) Tính số đo của bOc ?

b) Tia Ob có là tia phân giác của aOc không? Vì sao?

c) Vẽ tia Od là tia phân giác của aOb , tia Om là tia đối của tia Od .

Tính số đo của bOm ?

Câu 5 (0,5đ). Cho các phân số sau: $\frac{6}{n+8}; \frac{7}{n+9}; \dots; \frac{34}{n+36}; \frac{35}{n+37}$

Tìm số tự nhiên n nhỏ nhất để các phân số trên tối giản.

----- Hết -----

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)



Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau.”

(Trích Ngữ Văn 6, tập 2, NXBGD - 2006)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Văn bản đó thuộc thể loại gì?

Câu 2: Xác định các phương thức biểu đạt có trong đoạn trích.

Câu 3: Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn sau và cho biết đó có phải câu trần thuật đơn không? Vì sao?

“Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính.”

Câu 4: Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 5: Nêu tên văn bản, tác giả của 01 văn bản trong chương trình Ngữ Văn 6, tập 2 có cùng thể loại với văn bản chứa đoạn trích trên.

II. TẬP LÀM VĂN (5,0 điểm)

Hãy viết bài văn miêu tả một cảnh đẹp mà em yêu thích.

BÀI TẬP ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH 6

Tuần từ 7/6/2021 – 12/6/2021

I. Find the word which has a different sound in the underlined part.

1. A. house B. mouse C. shout D. ought
2. A. noise B. soil C. doing D. boil
3. A. could B. our C. should D. would
4. A. so B. told C. now D. go
5. A. lesson B. house C. sound D. noisy

II. Find one odd word for each question, and then read them aloud.

6. A. could B. will C. can D. run
7. A. love B. like C. enjoy D. hate
8. A. wasteful B. useful C. helpful D. careful
9. A. expensive B. useful C. costly D. noisy
10. A. feeling B. emotion C. thinking D. activity

III. Choose the correct answers.

11. Robots can _____ our houses when we are away.
A. see B. guard C. look at D. look
12. In the future, robots will be able to do more _____ things for us.
A. easy B. harder C. complicated D. much difficul
13. I don't agree _____ you that robots will be able to write a letter to an English friend.
A. of B. about C. to D. with
14. They will be very useful because they will be able to do _____ everything for us.
A. most B. most of C. almost D. almost of
15. "Do you think robots can work longer than people _____ getting tired?"
A. but B. with C. without D. of
16. My father always _____ coffee at home instead of going to the coffee shop.
A. do B. does C. make D. makes
17. Robots will be able to _____ the personal computer in the future.
A. do B. replace C. make D. recognise
18. Nowadays robots can't talk to people or play sport, but in the future I think they _____.
A. can B. could C. will D. do
19. "Will robots be able _____ our voices?"
A. to recognise B. recognising C. to recognising D. for recognising
20. Robots can't talk to people or recognise our voices, but scientists are working _____ the solution.
A. at B. on C. in D. with
21. Many people think spending money on robots is a complete _____ of time and money.
A. cut B. number C. waste D. amount
22. "_____ you walk when you were two?"
A. Can B. Could C. Will D. Do

23. These robots can do many things for the _____ such as cleaning streets or watering plants.
A. common **B.** best **C.** human **D.** public
24. Home robots can do things _____ repairing things around the house or looking after the garden.
A. such **B.** like **C.** with **D.** of
25. "_____ do you think about the new kinds of robots?"
A. How **B.** What **C.** Why **D.** When
26. Our future robot will be able to help us _____ the gardening.
A. do **B.** make **C.** try **D.** plant
27. "Robots are helping us a lot in industry, education, and in our house" - "_____"
A. I agree with you **B.** I hope not
C. Do you agree with that? **D.** What about you?
28. "We waste a lot of money and time researching and making robots" "_____".
A. I think not. **B.** I don't think so. **C.** I agree with. **D.** I don't hope so.
29. We must be careful because some people may use robots _____.
A. do good things **B.** to do good things **C.** do bad things **D.** to do bad things
30. Robots will be very useful for our lives but they use _____ energy.
A. some **B.** a little **C.** **D.** too much

IV. Write sentences with "can/ could/ will be able to", using the information about robots in the table.

Past	Now	Future
- (31) lift heavy things	- (34) guard the house	- (38) take care of the house
- (32) make and serve coffee	- (35) understand what we say	- (39) play football
- (33) answer the door	- (36) do the gardening	- (40) design other robots
	- (37) greet people in English	

31. _____
32. _____
33. _____
34. _____
35. _____
36. _____
37. _____
38. _____
39. _____
40. _____

V. Complete the conversations with the phrases in the box, expressing your opinion.

<i>I'm sorry, I don't agree.</i>	<i>I agree with you.</i>	<i>I don't think so.</i>
----------------------------------	--------------------------	--------------------------

41. **A:** Robots make our lives easier and more comfortable.
B: _____
42. **A:** Robots can work everywhere in the world, including on the seabed or in a volcano.
B: _____
43. **A:** Teaching robots can explain the lessons again or help students with their homework.
B: _____

44. **A:** Worker robots will be able to play sports.

B: _____

45. **A:** Home robots will be able to have conversations with us.

B: _____

VI. Fill in each blank with ONE suitable word.

46. I think robots are very useful _____ they won't be able to do all of our work.

47. _____ the bed when you get out of your bedroom.

48. Space robots can build space _____ on the Moon, and on many other planets.

49. Home robots can cook, make tea, or _____ the laundry.

50. _____ robots will be able to do most of our work and we will live more comfortably.

51. Our class are talking about the _____ of robots in the future.

52. Robots will be able to _____ our voices.

53. We think home robots will be able to do all of our work at home, and there will be _____ for us to do.

54. They will be able to do many things _____ humans.

55. Now robots can _____ the house and catch any robber trying to enter it.

VII. Fill in each blank with the phrases in the box to complete the conversation.

<i>I don't think so</i>	<i>That's right, Tom</i>	<i>I certainly agree with you</i>
<i>What about</i>	<i>Is that right</i>	

John: Today we will have a discussion about robots. Do we need robots? What is your opinion, Peter?

Peter: Well, I think robots are now very useful because they can help us do many things, especially simple and repeated jobs. But they will never be able to do all of our work. (56) _____, Mary?

Mary: (57) _____. Robots are only machines, so they can't do creative and difficult jobs.

John: (58) _____ you, Tom?

John: (59) _____. In the past, robots could only do simple things, but in the future they will be more "intelligent" and will be able to understand what we say, talk to us, and do most of our work.

Mai: (60) _____. And our life will be more comfortable and interesting.

VIII. Choose the word or phrase among A, B, C or D that best fits the blank space in the following passage.

Rescue robots (61) _____ hi-tech toys, but we are now using more robotic planes, helicopters. We can use them after storms, earthquakes, or fires to provide us with important (62) _____. They have cameras and microphones that help rescue workers understand how much damage (63) _____ and (64) _____ where the victims are. These planes work (65) _____ between 30 and 120 metres in the air and they can rescue people in somewhere very dangerous.

- | | | | |
|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
| 61. A. look | B. look like | C. looks like | D. look at |
| 62. A. information | B. newspapers | C. ideas | D. thing |
| 63. A. there | B. it was | C. there has | D. there is |
| 64. A. find | B. find out | C. finds | D. finds out |

65. **A.** much

B. more

C. the best

D. best

IX. Read the passage, and then decide whether the statements are *True* or *False*.

In South Korea, the robot Olympics takes place every year. It brings together groups from around the world who are interested in robots. At the event, people of all ages can take part in the competition. Children as young as six years old build and make programmes for robots that can do all kinds of things such as running or kicking a ball - that's very useful in sports. a bar

Robot Wars is another form of entertainment for robot lovers. It is a TV show and remote-controlled robot toy cars take part in games. The most popular game is when teams of people make the toy cars fight each other until there is the only one that can run - the winner. The first Robot Wars competition was held in San Francisco in August, 1994. People from over 45 countries, including Britain, Sweden, Italy and China now can watch that TV show.

Questions:

True/ False

- 66. The robot Olympics takes place every four years. _____
- 67. Only the teams from South Korea take part in the robot Olympics. _____
- 68. Robot lovers are people who are interested in designing, making, using and watching robots. _____
- 69. Old and young children can build robots at the event. _____
- 70. Robots at the robot Olympics can be useful in sports. _____
- 71. Remote-controlled cars take part in the Robot Wars competitions. _____
- 72. The first Robot Wars competition was held in the USA. _____
- 73. People in Asia do not watch the Robot Wars competitions. _____
- 74. People from many countries in the world can watch the Robot Wars competitions on TV. _____
- 75. Robots can be used for fun. _____

X. Make sentences using the words and phrases given.

- 76. Robots/ not only/ talk/ people/ but/ understand/ what/ they/ think.

- 77. Robots/ recognize/ our voices/ faces/ they/ not/ think/ like/ humans.

- 78. You/ think/ robots/ build houses/ sea/ us?

- 79. I/ agree/ you/ that/ life/ more comfortable/ future.

- 80. More people/ lose/ jobs/ robots/ do/ many kinds/ jobs.
